

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 54/2022/HSST

Ngày: 09/6/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Q T và bà Vũ Thị T

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Nhật L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2022/HSST ngày 05 tháng 05 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn L1, sinh năm 1987; HKTT: thôn V, xã V1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Phạm Tiến D và bà Vũ Thị M; Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ tư. Có vợ là Lê Thị L2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Vũ Văn M1, sinh năm 1988; HKTT: thôn T1, xã N, huyện K1, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Vũ Văn B và bà Trần Thị N1; Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là con lớn. Có vợ là Lê Thị Trinh L3 và có 03 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

- Nhân thân: Ngày 27/4/2010, bị Tòa án nhân dân huyện K1 xử phạt 9 tháng tù nH25 cho hưởng án treo về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

3. Vũ Ngọc T2, sinh năm 1983; HKTT: thôn C, xã P, huyện K1, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Vũ Ngọc Đ và bà Trần Thị T3; Anh, chị, em ruột: có

03 người, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Trần Thị Loan P1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Cao Huy Đ1 sinh năm 1984; HKTT: thôn T4, xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Cao Huy H3 và bà Nguyễn Thị N4; Anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là Bùi Thị Thu G và có 01 con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1987; HKTT: xóm Đ3, xã B, huyện Đ4, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Nguyễn Văn T5 và bà Đặng Thị T6; Anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ ba. Có vợ là Đậu Thị M3 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Tô Đức D5, sinh năm 1988; HKTT: xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Tô Đức D và bà Nguyễn Thị T7 Nga; Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ là Phan Thị H4 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

7. Nguyễn Văn B5, sinh năm 1977; HKTT: thôn Yên Tr, xã V1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 8/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Nguyễn Văn B6 và bà Nguyễn Thị L7; Anh, chị, em ruột: Có 06 người, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Nguyễn Thị H7 Anh và có 04 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

8. Vương Ngọc T9, sinh năm 1984; HKTT: thôn L9, xã L10, huyện T10, TP. Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Vương Quốc C6 và bà: Vương Thị M6; Anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Vũ Thị T10 và có 04 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

9. Lê Văn H15, sinh năm 1980; HKTT: thôn V6, xã N5, huyện T13, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Lê Văn C7 và bà Hoàng Thị M7; Anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là Vũ Thị T23 và có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

10. Đỗ Mạnh C16, sinh năm 1989; HKTT: thôn T2, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Đỗ Trọng H15 và bà Bùi Thị S; Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là Lê Thị Th và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

11. Đào Đình Đ26, sinh năm 1983; HKTT: thôn Y, xã V1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Đào Văn Đ9 và bà Tạ Thị D; Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ ba; Có vợ là Nguyễn Thị Duyên D2 và có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

12. Họ và tên: Vũ Văn M34, sinh năm 1986; HKTT: thôn T1, xã N, huyện K1, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Vũ Văn N7 và bà Nguyễn Thị K3; Anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo thứ hai. Có vợ là Vũ Thị H2 và có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

13. Phạm Duy V5, sinh năm 1983; HKTT: thôn M5, xã H8, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Phạm Duy H9 và bà Nguyễn Thị B6; Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là con lớn. Có vợ là Nguyễn Thị N6 và có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

14. Đỗ Danh H6, sinh năm 1995; HKTT: thôn A, xã Đ5, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Đỗ Danh N5 và bà Đào Thị M1; Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

15. Tạ Văn H25, sinh năm 1990; HKTT: thôn Y, xã V1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ26 văn hoá: 12/12 ; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Tạ Quang H15 và bà Tạ Thị P; Anh, chị, em ruột: Có 07 người, bị cáo là thứ sáu. Có vợ là Vũ Thị Bảo Y và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị can bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

***. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Công M1, sinh năm 1978. Địa chỉ: thôn Tr xã T20, huyện K1, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

***. Những người làm chứng:**

1. Anh Hoàng Công K6, sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn K8 xã Đ3, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn T4, xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ ngày 11/02/2022, Phạm Văn L1, Vũ Văn M1, Vũ Ngọc T2, Cao Huy Đ1 Nguyễn Văn Tr, Tô Đức D5, Nguyễn Văn B5, Vương Ngọc T9, Lê Văn H15, Đỗ Mạnh C16, Đào Đình Đ26, Vũ Văn M34, Phạm Duy V5, Đỗ Danh H6 và Tạ Văn H25, Hoàng Công K6 và Nguyễn Công M1 đều là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn bê tông và xây lắp Petrolimex có địa chỉ tại thôn Lôi Cầu, xã V1, huyện K, tỉnh Hưng Yên sau khi đi ăn cỗ đám cưới của một công nhân cùng công ty thì về thùng Contener dùng làm phòng chờ của lái xe và công nhân công ty để ngồi uống nước. Sau đó, L1, Vũ Văn M1, T2, Đ1 Tr, D5, B5, T9, H15, C16, Đ26, M34, V5, H6 và H25 cùng thống nhất chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Xóc đĩa”, còn Hoàng Công K6 và Nguyễn Công M1 không tham gia đánh bạc. Lúc này, L1 lấy bát, đĩa và 04 quân bài vị được cất từ quân bài chắn có sẵn ở phòng chờ làm dụng cụ để chơi đánh bạc. Cả 15 người chơi thống nhất để L1 là người xóc cái, những người còn lại ngồi đặt cửa để đánh bạc. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi L1, Vũ Văn M1, T2, Đ1 Tr, D5, B5, T9, H15, C16, Đ26, M34, V5, H6 và H25 đang đánh bạc thì bị Công an huyện K phối hợp với Công an xã V1 phát hiện, bắt quả tang. Hình thức đánh bạc quy định như sau: L1 là người “Xóc cái”, bên tay phải của L1 là cửa chắn, bên tay trái là cửa lẻ, thống nhất trong mỗi ván bài mức đặt cửa thấp nhất là 50.000đ, cao nhất là 1.000.000đ. Người “Xóc cái” cho 04 quân bài hình tròn được cất từ quân bài chắn vào 01 đĩa sứ, sau đó úp 01 bát sứ lên rồi xóc và đặt xuống, người chơi đặt tiền vào hai cửa chắn, lẻ. Sau đó, người “Xóc cái” mở bát ra, nếu 04 quân cùng một màu hoặc 02 quân màu trắng, 02 quân màu đen là cửa chắn, nếu 03 quân một màu và 01 quân

một màu là cửa lẻ. Nếu về cửa nào thì người chơi đặt tiền ở cửa đó Th bằng số tiền đã bỏ ra đặt cửa, người “Xóc cái” sẽ lấy tiền ở cửa người chơi thua để trả cho người Th, nếu còn thừa người “Xóc cái” được hưởng, nếu thiếu thì người “Xóc cái” phải bù để trả cho đủ số tiền người chơi Th đã đặt cửa. Đến khoảng 18 giờ 15 phút, thì L1 bị thua hết tiền nên không thanh toán tiền được thua cho những người chơi. Lúc này hình thức thanh toán Th thua được quy định như sau: Những người chơi ở bên cửa thua sẽ trực tiếp thanh toán cho những người ở bên cửa Th. Trong trường hợp có sự chênh lệch tiền cược giữa hai cửa chẵn, lẻ thì người chơi đặt cược sau phải cầm tiền về, không được chơi nữa để cho hai cửa chơi cân bằng nhau về số tiền đặt cửa.

Vật chứng và tài sản Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện thu giữ gồm:

Thu tại chiếu bạc tổng số tiền là 11.500.000đ, 01 đĩa sù, 01 bát sù, 04 quân bài hình tròn được cắt từ quân bài chẵn, 02 thăm nỉ; Thu của các đối tượng 29.050.000đ, 17 chiếc điện thoại, 05 xe mô tô và 01 xe máy điện cụ thể như sau: Thu của H15 số tiền 600.000đ và 01 điện thoại Oppo màu đỏ; Thu của B5 số tiền 450.000đ và 01 điện thoại Sam sung màu đen; Thu của D5 số tiền 5.200.000đ và 01 điện thoại Sam sung màu trắng; Thu của H25 số tiền 2.000.000đ, 01 điện thoại Sam sung màu xanh và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số: 89AA - 098.93; Thu của M34 số tiền 1.000.000đ và 01 điện thoại Sam sung màu đen; Thu của T2 01 điện thoại Sam sung màu đen, 9.800.000đ và 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển số 89K6 - 0450; Thu của Tr số tiền 3.800.000đ và 01 điện thoại Oppo màu đen; Thu của T9 số tiền 5.600.000đ và 01 điện thoại Sam sung màu đồng; Thu của V5 100.000đ và 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng; Thu của Đại 01 xe mô tô nhãn hiệu Lead, biển số: 89E1 - 682.74 và 01 điện thoại Sam sung màu đen; Thu của H6 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh, biển số: 89E1 - 217.43; Thu giữ của L1 01 điện thoại Iphone 5s màu trắng; Thu của C16 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng và 01 xe máy điện biển số 89MĐ2 – 2779; Thu của Đ26 01 điện thoại Realme màu xanh; Thu của Vũ Văn M1 01 điện thoại Samsung màu vàng; Thu của K6 01 điện thoại Sam sung màu đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 29H3 – 3822; Thu của Nguyễn Công M1 01 điện thoại Vivo màu xanh; Thu của Nguyễn Công M1 số tiền là 500.000đ.

Quá trình điều tra 15 bị cáo khai nhận: Trước khi tham gia đánh bạc D5 có 5.800.000đ, đã bỏ ra 600.000đ để chơi đánh bạc; B5 có 950.000đ, đã bỏ ra 500.000đ để chơi đánh bạc; M34 có 1.100.000đ, đã bỏ ra 100.000đ để chơi đánh bạc; H25 có 2.050.000đ, đã bỏ ra 50.000đ để chơi đánh bạc; T2 có khoảng 11.000.000đ, đã bỏ ra 1.000.000đ để chơi đánh bạc và cho Đại vay 1.000.000đ; V5 có 200.000đ, đã bỏ ra 100.000đ để chơi đánh bạc; Tr có 4.600.000đ, đã bỏ ra 800.000đ để chơi đánh bạc; Đại có 1.000.000đ, Đ26 có 100.000đ, H6 có 50.000đ, Vũ Văn M1 có 50.000đ, Riêng bị cáo C16 không nhớ trước khi chơi mang theo bao nhiêu tiền NH25 xác định có tham gia chơi khoảng 04 ván, có ván C16 đặt cược 50.000đ, có ván C16 đặt cược

70.000đ và Th được hai ván. Số tiền chơi đánh bạc, C16 để tất cả dưới chiếu bạc; L1 có khoảng 600.000đ đã bỏ xuống chiếu để chơi hết. H15 có 900.000đ, đã bỏ ra 300.000đ để chơi đánh bạc; T9 có 6.000.000đ, đã bỏ ra 400.000đ để chơi đánh bạc.

Về vật chứng: Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc và trong người các đối tượng có mặt tại chiếu bạc là 40.550.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện tại Kho bạc Nhà nước huyện K chờ xử lý; Đối với 01 đĩa sù, 01 bát sù, 04 quân bài hình tròn được cất từ quân bài chắn và 02 thăm ni xác định có liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã nhập kho vật chứng của Công an huyện K, chờ xử lý.

Đối với 05 xe mô tô, 01 xe máy điện, 17 chiếc điện thoại di Đ26ng các loại, quá trình điều tra xác định những tài sản này không liên quan đến hành vi đánh bạc, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại những tài sản trên cho chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số: 48/QĐ-VKS-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H25 Yên đã truy tố các bị cáo L1, H15, B5, C16, Đ1 Đ26, D5, H6, H25, Vũ Văn M1, M34, T2, Tr, T9 và V5, về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Phạm Văn L1, Lê Văn H15, Nguyễn Văn B5, Đỗ Mạnh C16, Cao Huy Đ1 Vũ Văn M34, Vũ Ngọc T2, Nguyễn Văn Tr.

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS năm 2015; Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019 đối với Vương Ngọc T9.

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo Vũ Văn M1.

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Đào Đình Đ26, Tô Đức D5, Đỗ Danh H6, Tạ Văn H25, Phạm Duy V5.

Tuyên bố tất cả các bị cáo Phạm Văn L1, Lê Văn H15, Nguyễn Văn B5, Đỗ Mạnh C16, Cao Huy Đ1 Đào Đình Đ26, Tô Đức D5, Đỗ Danh H6, Tạ Văn H25, Vũ Văn M1, Vũ Văn M34, Vũ Ngọc T2, Nguyễn Văn Tr, Vương Ngọc T9 và Phạm Duy V5 đều phạm tội “Đánh bạc”;

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm T2 từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/6/2022); Bị cáo Vũ Văn M1 từ 01 năm đến 01

năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng T2 từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/6/2022); Các bị cáo H15, B5, C16, Đ1 M34, T2, Tr, T9 mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù nH25 cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm T2 từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/6/2022); Phạt các bị cáo D5, Đ26, H6, H25, V5 mỗi bị cáo từ 25.000.000đ đến 35.000.000đ.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo; Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 17.700.000đ gồm tiền thu tại chiếu bạc là 11.500.000đ và tiền thu trong người bị cáo T9 5.600.000đ, thu trong người bị cáo H15 600.000đ; Tịch thu cho tiêu hủy đối với 01 đĩa sù, 01 bát sù, 04 quân bài hình tròn được cất từ quân bài chắn và 02 tấm nỉ xác định có liên quan đến hành vi đánh bạc.

Trả lại cho các bị cáo: B5 450.000đ; D5 5.200.000đ; H25 2.000.000đ; M34 1.000.000đ; T2 9.800.000đ; Tr 3.800.000đ; V5 100.000đ và Nguyễn Công M1 số tiền là 500.000đ.

[2] Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái Đ26 ăn năn hối cải.

Bị cáo T9, H15 thừa nhận trước khi đánh bạc T9 có tổng số tiền 6.000.000đ đã bỏ ra 400.000đ để đánh bạc; H15 có 900.000đ, đã bỏ ra 300.000đ đánh bạc. Số tiền còn lại của T9 và H15 để trong túi nH25 nếu thua hết số tiền đã bỏ ra thì T9 và H15 sẽ tiếp tục bỏ nốt số tiền mang theo trong người ra để đánh bạc.

Bị cáo D5, B5, M34, H25, T2, V5, Tr khai nhận trước khi chơi đánh bạc, D5 có 5.800.000đ, chỉ bỏ ra 600.000đ để chơi đánh bạc; B5 có 950.000đ, chỉ bỏ ra 500.000đ để chơi đánh bạc; M34 có 1.100.000đ, chỉ bỏ ra 100.000đ để chơi đánh bạc; H25 có 2.050.000đ, chỉ bỏ ra 50.000đ để chơi đánh bạc; T2 có khoảng từ 11.000.000đ đến 13.000.000đ, chỉ bỏ ra khoảng hơn 1.000.000đ để chơi đánh bạc và cho Đại vay 1.000.000đ; V5 có 200.000đ, đã bỏ ra 100.000đ để chơi đánh bạc; Tr có 4.600.000đ, chỉ bỏ ra 800.000đ để chơi đánh bạc. Các bị cáo khẳng định chỉ chơi đánh bạc đối với số tiền đã bỏ ra, số tiền còn lại cất trong người sẽ không dùng vào mục đích đánh bạc.

Các bị cáo: Đ1 Đ26, H6, M1 khai nhận trước khi đánh bạc Đại có 1.000.000đ, Đ26 có 100.000đ, H6 có 50.000đ, Vũ Văn M1 có 50.000đ đều đã sử

dụng vào đánh bạc và đều đã thua hết. Riêng các bị cáo C16, L1 không nhớ trước khi chơi đánh bạc mang theo bao nhiêu tiền, toàn bộ số tiền C16 và L1 mang theo đều đã để dưới thảm để đánh bạc. L1 khẳng định là người xóc cái, trực tiếp thanh toán tiền được thua cho những người còn lại đánh bạc từ đầu cho đến cuối, C16 xác định có tham gia chơi khoảng 04 ván, ván đặt cược thấp nhất là 50.000đ và ván đặt cược cao nhất là 70.000đ.

Được nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo L1, H15, B5, C16, Đ1 M34, T2, Tr, T9 và Vũ Văn M1 đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử các bị cáo ở mức án thấp nhất và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để các bị cáo có điều kiện lao Đ26ng giúp đỡ gia đình và trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.

Các bị cáo còn lại là Đ26, D5, H6, H25, V5 đều đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Công M1 trình bày: Khẳng định chỉ chứng kiến 15 bị cáo đứng trước bục khai báo ngày hôm nay tham gia đánh xóc đĩa ăn tiền tại thùng Congtenner của công ty Petrolimex vào ngày 11/02/2022 chứ không tham gia đánh bạc, đồng thời đề nghị HĐXX tuyên trả cho anh số tiền 500.000đ.

[4] Những người làm chứng là anh Hoàng Công K6 và Phạm Văn Th đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 293 của BLTTHS vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận toàn bộ diễn biến hành vi đánh bạc cũng như số tiền mang theo để đánh bạc vào chiều tối ngày 11/02/2022. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản quản lý đồ vật, tiền và tích kê tiền; Biên bản ghi lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Công

M1, lời khai của những người làm chứng là anh Hoàng Công K6 và Phạm Văn Th và phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 phút đến 18 giờ 30 phút ngày 11/02/2022, tại thùng contener dùng làm phòng nghỉ cho công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn bê tông và xây lắp Petrolimex thuộc thôn L, xã V1, huyện K, Phạm Văn L1, Vũ Văn M1, Vũ Ngọc T2, Cao Huy Đ1 Nguyễn Văn Tr, Tô Đức D5, Nguyễn Văn B5, Vương Ngọc T9, Lê Văn H15, Đỗ Mạnh C16, Đào Đình Đ26, Vũ Văn M34, Phạm Duy V5, Đỗ Danh H6 và Tạ Văn H25 đã cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Xóc đĩa”. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc được xác định là 17.700.000đ. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo L1, H15, B5, C16, Đ1 Đ26, D5, H6, H25, Vũ Văn M1, M34, T2, Tr, T9 và V5 đều về tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi đánh bạc cũng như vai trò của các bị cáo thì thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tham gia đánh bạc tự phát chứ không có sự chuẩn bị công cụ phạm tội, không có sự bàn bạc từ trước. Trong vụ án này, bị cáo L1 là người chuẩn bị quân bài, đồng thời là người xóc cái trực tiếp thanh toán Th thua với người chơi nên giữ vai trò chính tích cực nhất. H15, B5, C16, Đ1 Vũ Văn M1, M34, T2, Tr, T9 và D5 giữ vai trò tích cực thứ hai sau L1; Các bị cáo còn lại là: Đ26, H6, H25, V5 có số tiền sử dụng đánh bạc ít hơn so với các bị cáo còn lại nên giữ vai trò ít tích cực nhất.

Tất cả các bị cáo nêu trên đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi, vì ham muốn đồ đen nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi đánh bạc của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện phát triển kinh tế cũng như cuộc sống hạnh phúc của nhiều gia đình. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, làm sa sút kinh tế, tha hóa con người, gây nên sự bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, các bị cáo cần bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nhằm mục đích giáo dục và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Xét về nhân thân: Trừ bị cáo Vũ Văn M1 có nhân thân xấu, ngày 27/4/2010, bị Tòa án nhân dân huyện K1 xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thái Đ26 ăn năn

hồi cải; Trừ bị cáo Vũ Văn M1 ra thì tất cả các bị cáo còn lại đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; L1, H15, B5 C16, Đ1 M1, M34, T2, Tr đều có đơn xin cải tạo tại địa phương; Đ26, D5, H6, H25, V5 có đơn đề nghị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Đơn của các bị cáo đều được chính quyền địa phương nơi các bị cáo đang cư trú xác nhận; Bị cáo H15 có bố đẻ là ông Lê Văn C được tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng và Huân chương chiến sĩ vẻ vang; Bị cáo Tr có bố là Nguyễn Văn T, mẹ là Đặng Thị T đều có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông Tài được nhà nước tặng Huân Chương kháng chiến hạng 3, bà T được tặng thưởng Huân Chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo B5 có bố đẻ là ông Nguyễn Văn B (Tức Nguyễn Ngọc B) được tặng thưởng Huân Chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì, hạng ba. Nên cần áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS cho 13 bị cáo trừ bị cáo M1 và T9. Bị cáo M1 chỉ được áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS, bị cáo T9 được áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Sau khi xem xét nhân thân, diễn biến vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy trừ M1 có nhân thân xấu, nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù và trải qua thời gian thử thách thì đã được đương nhiên xóa án tích. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 69 của BLHS thì người đã được xóa án tích được coi như chưa bị kết án. Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS, phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Nên đối chiếu với quy định tại Nghị quyết Số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 05 năm 2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 4 năm 2022 thì không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS đối với các bị cáo L1, H15, B5, C16, Đ1 M1, M34, T2, Tr, T9 và giao cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với các bị cáo Đ26, D5, H6, H25, V5 phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo khẳng định có điều kiện để thi hành hình phạt tiền nên đề nghị được áp dụng hình phạt chính là tiền. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 35 của BLHS để phạt tiền đối với các bị cáo.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy tất cả các bị cáo đều là công nhân, việc chơi cờ bạc cũng chỉ là nhất thời ham vui. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

[8]. Về Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ tổng số tiền trên chiếu bạc và trong người các đối tượng có mặt tại chiếu bạc là 40.550.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều khai nhận toàn bộ số tiền đã thu trên chiếu bạc là 11.500.000đ và số tiền thu trong người T9 5.600.000đ; thu trong người H15 600.000đ đã và sẽ được sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS. Số tiền còn lại thu trong người các bị cáo 22.850.000đ gồm thu của B5 450.000đ; D5 5.200.000đ; H25 2.000.000đ; M34 1.000.000đ; T2 9.800.000đ; Tr 3.800.000đ; V5 100.000đ và thu của Nguyễn Công M1 là 500.000đ không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo và người liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của BLTTHS.

Đối với 01 đĩa sù, 01 bát sù, 04 quân bài hình tròn được cất từ quần bài chẵn và 02 tấm nỉ xác định là công cụ phương tiện phạm tội nH25 không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

[9]. Về án phí: Các bị cáo L1, H15, B5, C16, Đ1 Đ26, D5, H6, H25, Vũ Văn M1, M34, T2, Tr, T9 và V5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định tại Điều 136 của BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ áp dụng:

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Phạm Văn L1, Lê Văn H15, Nguyễn Văn B5, Đỗ Mạnh C16, Cao Huy Đ1 Vũ Văn M34, Vũ Ngọc T2, Nguyễn Văn Tr.

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS năm 2015; Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019 đối với Vương Ngọc T9.

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo Vũ Văn M1.

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Đào Đình Đ26, Tô Đức D5, Đỗ Danh H6, Tạ Văn H25, Phạm Duy V5.

Tội danh: Tuyên bố tất cả các bị cáo Phạm Văn L1, Lê Văn H15, Nguyễn Văn B5, Đỗ Mạnh C16, Cao Huy Đ1 Đào Đình Đ26, Tô Đức D5, Đỗ Danh H6, Tạ Văn H25, Vũ Văn M1, Vũ Văn M34, Vũ Ngọc T2, Nguyễn Văn Tr, Vương Ngọc T9 và Phạm Duy V5 đều phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn L1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nH25 cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng T2 từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/6/2022).

- Bị cáo Vũ Văn M1 01 (Một) năm tù nH25 cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm T2 từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/6/2022).

- Các bị cáo Lê Văn H15, Nguyễn Văn B5, Đỗ Mạnh C16, Cao Huy Đ1 Vũ Văn M34, Vũ Ngọc T2, Nguyễn Văn Tr, Vương Ngọc T9 mỗi bị cáo 09 (Chín) tháng tù nH25 cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng T2 từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/6/2022).

- Xử phạt bị cáo Tô Đức D5 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn).

- Xử phạt các bị cáo Đào Đình Đ26, Đỗ Danh H6, Tạ Văn H25, Phạm Duy V5 mỗi bị cáo 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn).

Giao các bị cáo Phạm Văn L1, Nguyễn Văn B5 cho UBND xã V1, huyện K, tỉnh H25 Yên; Vũ Văn M1, Vũ Ngọc T2 cho UBND xã P, huyện K1, tỉnh Hưng Yên; Cao Huy Đại cho UBND xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Văn Tr cho UBND xã B, huyện Đ4, tỉnh Nghệ An; Vương Ngọc T9 cho UBND xã L10, huyện T10t, TP. Hà Nội; Lê Văn H15 cho UBND xã N5, huyện T13, tỉnh Hải Dương; Đỗ Mạnh C16 cho UBND xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Vũ Văn M34 cho UBND xã N, huyện K1, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước tổng số tiền 17.700.000 (Mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B5 số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng); Tô Đức D5 số tiền 5.200.000đ (Năm triệu hai trăm nghìn đồng); Tạ Văn H25 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); Vũ Văn M34 số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); Vũ Ngọc T2 số tiền 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng); Nguyễn Văn Tr số tiền 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng); Phạm Duy V5 số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng);

- Trả cho Anh Nguyễn Công M1, sinh năm 1978; Trú tại thôn Trương Xá, xã T20, huyện K1, tỉnh H25 Yên số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

(Toàn bộ số tiền nêu trên đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành dân sự huyện K tại Kho bạc Nhà nước huyện K.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quân bài hình tròn được cắt từ quân bài chắn và 02 thăm ni.

(Tình trạng vật chứng như trong Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ-VKS-KC ngày 05/5/2022 của VKSND huyện K).

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo L1, H15, B5, C16, Đ1 Đ26, D5, H6, H25, Vũ Văn M1, M34, T2, Tr, T9 và V5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Báo cho tất cả các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/6/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY;
- VKSND tỉnh HY; VKSND huyện K/C
- CA huyện K/C.
- Chi cục THADS huyện K/C;
- Các bị cáo;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị T H